

Lợi ích phi các-bon từ rừng

Góc nhìn cần xem xét trong quá trình
xây dựng chính sách phát triển lâm
nghiệp mới

Phạm Thu Thủy
Nông Nguyễn Khánh Ngọc
Ngô Hà Châu



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry



Báo cáo chuyên đề 263

Lợi ích phi các-bon từ rừng

Góc nhìn cần xem xét trong quá trình xây dựng
chính sách phát triển lâm nghiệp mới

Phạm Thu Thủy

Nông Nguyễn Khánh Ngọc

Ngô Hà Châu

Báo cáo chuyên đề 263

© 2020 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phát sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor/007742

Phạm TT, Nông NKN và Ngô HC. 2020. *Lợi ích phi các-bon từ rừng: Góc nhìn cần xem xét trong quá trình xây dựng chính sách phát triển lâm nghiệp mới*. Báo cáo chuyên đề 263. Bogor, Indonesia: CIFOR.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia

T +62 (251) 8622-622
F +62 (251) 8622-100
E cifor@cgiar.org

cifor.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Lời cảm ơn	iv
Tóm tắt	v
1 Giới thiệu	1
2 Sự khác biệt giữa đồng lợi ích và NCBs từ rừng	2
3 Sự khác biệt và mối liên hệ giữa NCBs từ rừng và các biện pháp đảm bảo an toàn	3
4 Phân loại NCBs từ rừng	4
5 Thách thức trong việc công nhận và thực hiện NCBs từ rừng	5
5.1 Định nghĩa và góc nhìn khác nhau về NCBs	5
5.2 Đo lường, theo dõi và đánh giá NCBs	5
5.3 Thiếu số liệu, phương pháp và cơ chế đo lường và báo cáo NCBs	6
5.4 Mối quan hệ phức tạp giữa chi trả các-bon và chi trả NCBs từ rừng	6
5.5 Hạn chế về tài chính	6
6 Các giải pháp trong việc lồng ghép và nâng cao NCBs từ rừng vào chính sách và dự án	8
6.1 Thay đổi cách nhìn về NCBs và kết hợp nhiều NCBs	8
6.2 Mở rộng tiêu chí, hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá	8
6.3 Mở rộng tiêu chí cho việc “chi trả dựa vào kết quả”	9
6.4 Gắn kết giữa các chính sách và dự án liên quan đến thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu	9
6.5 Xác định ưu tiên với sự tham gia của các bên có liên quan	9
6.6 Mở rộng đầu tư, nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí giao dịch và chi phí thực hiện	10
6.7 Cách tiếp cận theo vùng và tiếp cận cảnh quan	11
6.8 Lồng ghép NCBs vào các chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu	11
7 Kết luận	12
8 Tài liệu tham khảo	13

Bảng biểu

1 Các loại lợi ích phi các-bon từ rừng	4
2 Các loại lợi ích phi các-bon của rừng và các chỉ số đo lường đề xuất	5

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là một hợp phần của Nghiên cứu so sánh toàn cầu về REDD+ mà CIFOR đang tiến hành (www.cifor.org/gcs). Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này từ các nhà tài trợ bao gồm Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) và Chương trình nghiên cứu CGIAR về rừng, cây và nông lâm kết hợp (CRP-FTA). Chúng tôi xin cảm ơn ông Markus Ihalainen đã đóng góp ý kiến cho báo cáo này.

Tóm tắt

Lợi ích phi các-bon nhận được nhiều sự quan tâm trên diễn đàn biến đổi khí hậu toàn cầu khi nhiều quốc gia, học giả nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ cho rằng đây là điều kiện quan trọng cho phát triển bền vững, giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu một cách hiệu quả. Bên cạnh nhiều tán đồng về vai trò của lợi ích phi các-bon, việc thực hiện và nâng cao lợi ích này còn gặp nhiều khó khăn do chưa có định nghĩa chuẩn, nguồn tài chính hỗ trợ còn hạn hẹp và chưa rõ ràng, đồng thời phương pháp đánh giá và đo lường còn nhiều hạn chế. Trong khi các thảo luận liên quan đến lợi ích phi các-bon đang được mở rộng trên thế giới, khái niệm này dường như còn rất mới tại Việt Nam và ít được thảo luận chuyên sâu. Báo cáo này cung cấp những thông tin cơ bản về lợi ích phi các-bon, bao gồm định nghĩa, phân loại, và các thách thức mà thế giới đang trải qua để vận hành lợi ích phi các-bon (NCBs), cũng như những giải pháp đề xuất trong tương lai. Báo cáo dựa trên việc rà soát các tài liệu thứ cấp liên quan đến chủ đề này trong và ngoài nước. Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam hiện đang xây dựng các chính sách lâm nghiệp mới trong giai đoạn 2021-2030, chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ cung cấp thông tin đầu vào hữu ích cho quá trình xây dựng chính sách này.

1 Giới thiệu

Vai trò, tầm quan trọng và lợi ích phi các-bon (NCBs) từ rừng ngày càng được nhấn mạnh trên diễn đàn quốc tế về biến đổi khí hậu. NCBs đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thành công về mặt xã hội, môi trường và quản trị biến đổi khí hậu. Khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy và thực hiện NCBs cũng sẽ củng cố thêm khả năng đáp ứng Mục tiêu 14 và 18 của Công ước về Đa dạng sinh học, và góp phần đạt được các mục tiêu phát triển toàn cầu được nêu trong Chương trình nghị sự 2030 (Katerere và cộng sự 2015).

Mặc dù còn nhiều nghi ngại về NCBs, đã có nhiều bằng chứng khoa học cho thấy lợi ích tài chính các-bon thường không đủ hấp dẫn với cộng đồng địa phương và chủ rừng khi so sánh với các phương án sử dụng đất khác. Chi trả cho các-bon thông thường chỉ chiếm 30% thu nhập và không đủ bù đắp cho toàn bộ chi phí cơ hội cho việc chuyển từ sản xuất không bền vững sang sản xuất bền vững (Yitebitu và cộng sự 2010). Tại Mozambique, chi trả các-bon hàng năm trong các hợp đồng nông lâm nghiệp chỉ tương đương với khoảng hai tháng thu nhập và đóng một vai trò tương đối nhỏ trong việc cải thiện thu nhập hộ gia đình (Groom và Palmer 2012). Trong các trường hợp này, NCBs là động lực đáng kể để cộng đồng và chủ rừng tham gia bảo tồn rừng.

Tăng cường các NCB rất quan trọng trong việc đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của các chính sách giảm thiểu biến đổi khí hậu từ rừng, và hài hòa hóa giữa phát triển các-bon và các mục tiêu xã hội khác. Các chính sách giảm thiểu biến đổi khí hậu hiện nay chỉ tập trung vào dịch vụ các-bon dẫn đến các ảnh hưởng tiêu cực tới sinh kế và khả năng thích ứng của cộng đồng địa phương (Djoudi và cộng sự 2016). Việc đảm bảo quyền sở hữu tài nguyên rừng, thể chế quản trị hài hòa và lợi ích kinh tế xã hội sẽ nâng cao tính hiệu quả và bền vững của các chính sách về biến đổi khí hậu (Huang và cộng sự 2018; Leisher và cộng sự 2016; Sarmiento Barletti và Larson 2017; Sijapati Basnett và cộng sự 2018). Các bằng chứng khoa học cho tới nay cũng cho thấy ở các quốc gia thực hiện các chính sách liên quan đến các-bon như Cơ chế giảm phát thải, trong đó có giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng (REDD+), đồng lợi ích và NCBs đều cao hơn đáng kể so với các quốc gia không thực hiện chính sách này (Ojea và cộng sự 2016). Việc bỏ qua NCBs trong các chính sách và dự án sẽ làm giảm sự quan tâm của cộng đồng và chính quyền địa phương vào việc thực hiện REDD+ một cách hiệu quả và bền vững, cũng như ảnh hưởng đến tính lâu dài và khả thi của các chính sách biến đổi khí hậu (Hailemariam và cộng sự 2015).

Trong khi các thảo luận liên quan đến NCBs đang được mở rộng trên toàn cầu, khái niệm này dường như còn rất mới tại Việt Nam và ít được thảo luận chuyên sâu. Báo cáo này cung cấp những thông tin cơ bản về NCBs, bao gồm định nghĩa và phân loại, thách thức các nước đang đối mặt trong việc vận hành NCBs, cũng như những giải pháp đề xuất trong tương lai. Báo cáo dựa trên việc rà soát các tài liệu thứ cấp liên quan đến chủ đề này trong và ngoài nước. Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đang xây dựng các chính sách lâm nghiệp mới trong giai đoạn 2021-2030, chúng tôi hi vọng sẽ cung cấp thông tin đầu vào hữu ích cho quá trình xây dựng chính sách này.

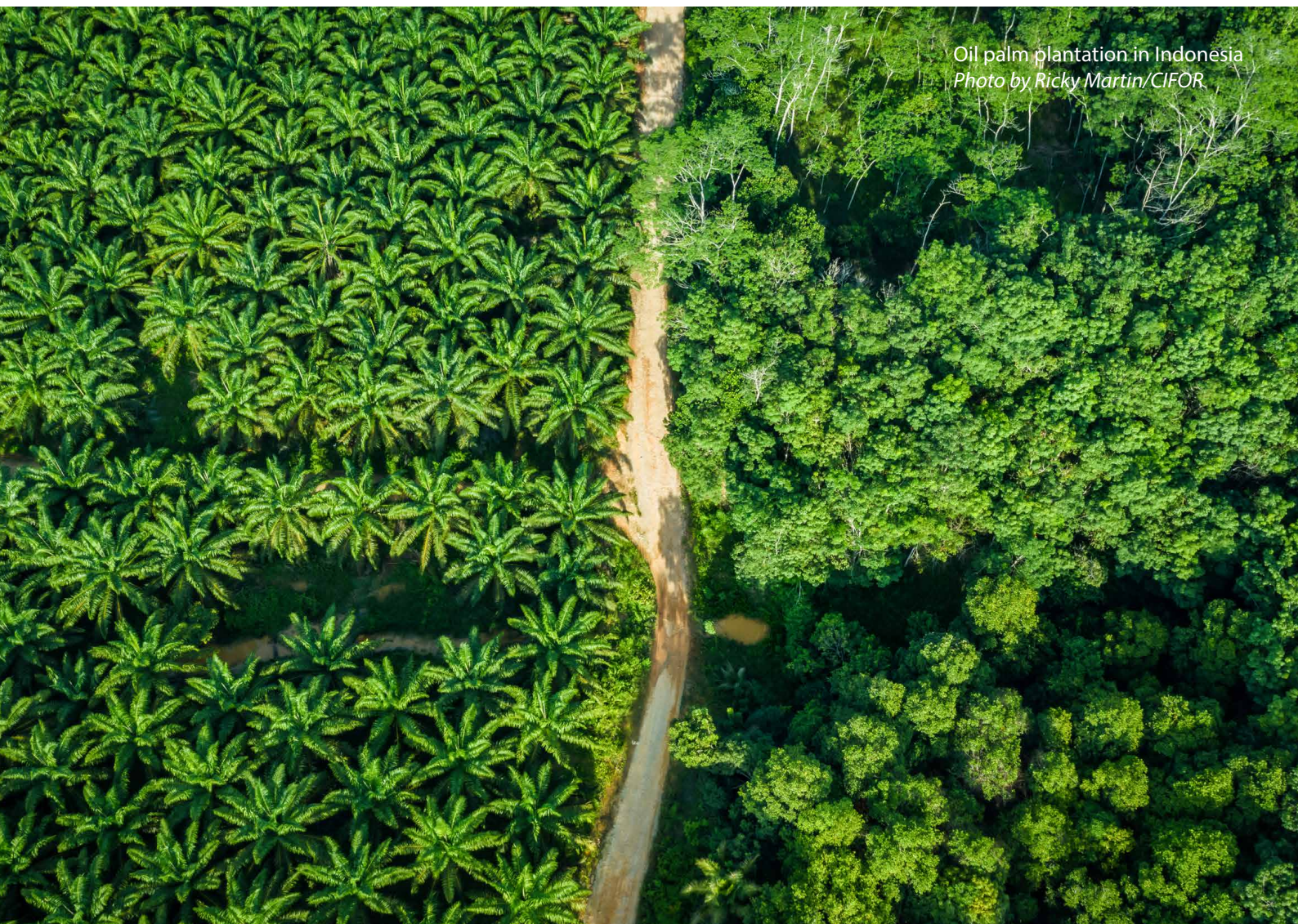
2 Sự khác biệt giữa đồng lợi ích và NCBs từ rừng

Mọi người thường có sự nhầm lẫn trong việc sử dụng khái niệm đồng lợi ích (co-benefits) và lợi ích phi các-bon từ rừng (non-carbon benefits). Tuy nhiên, hai khái niệm này có nội hàm và ý nghĩa rất khác nhau. Theo Katerere và cộng sự (2015):

- **Đồng lợi ích:** là lợi ích phát sinh từ việc thực hiện các hoạt động REDD+, nhưng đó không phải là một phần cụ thể trong thiết kế và vì vậy không phát sinh thêm chi phí.
- **Lợi ích phi các-bon từ rừng (NCB)** là những lợi ích được coi là một phần kết quả của các hoạt động REDD+ và các chi phí liên quan được đưa vào việc thiết kế và thực hiện REDD+ một cách cụ thể. Việc cung cấp các NCB không chỉ giới hạn ở các chương trình giảm phát thải mà còn từ việc thúc đẩy bảo tồn, thúc đẩy quản lý rừng bền vững và tăng cường các bể chứa các-bon.

Sự khác biệt giữa lợi ích đồng lợi ích và lợi ích phi các-bon còn ở chỗ:

- **Lợi ích phi các-bon** là điều kiện tiên quyết cho tính bền vững của REDD+.
- **Đồng lợi ích** là cơ hội có được lợi ích trong thời gian ngắn và có thể dễ dàng nhận thấy.



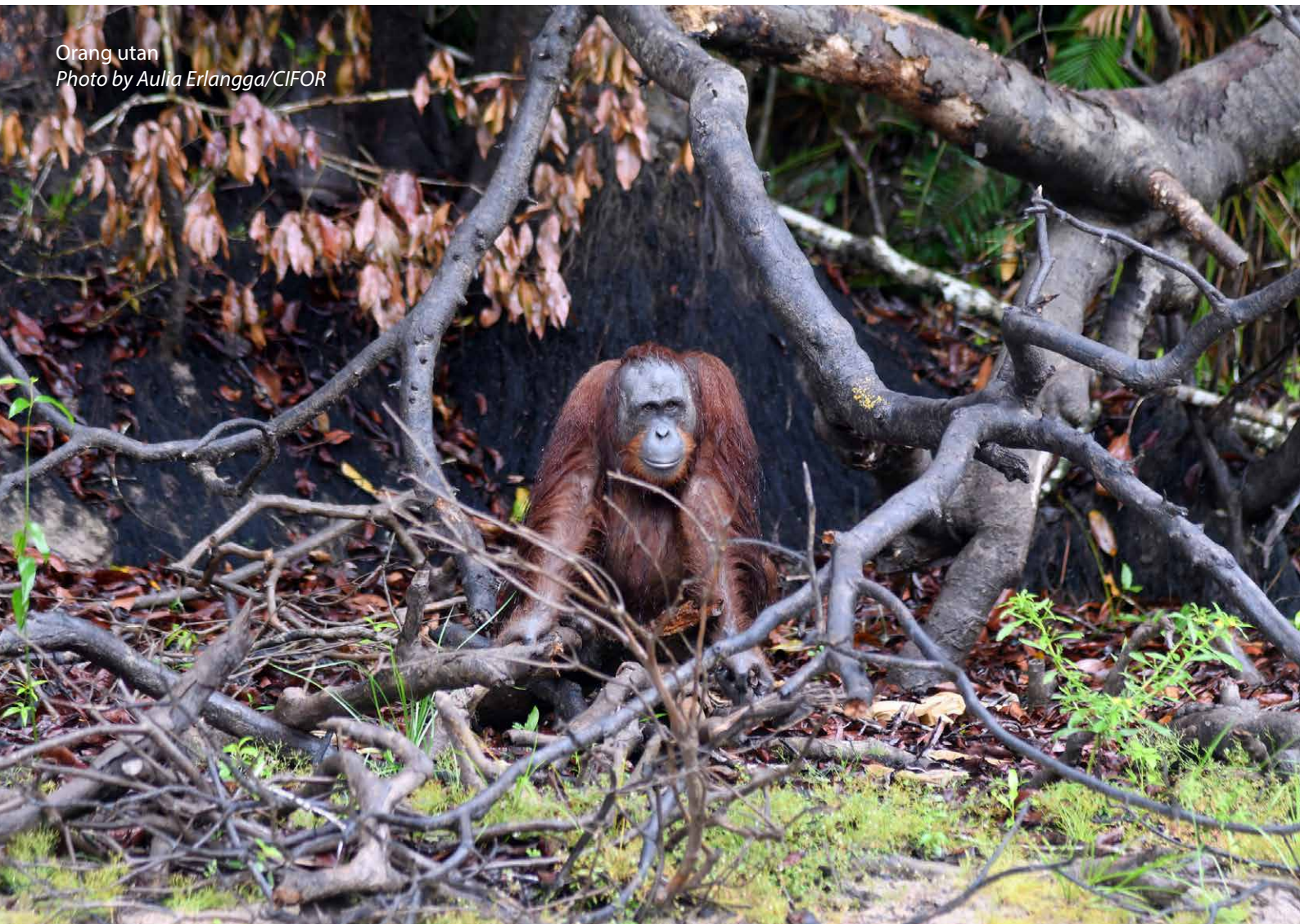
Oil palm plantation in Indonesia
Photo by Ricky Martin/CIFOR

3 Sự khác biệt và mối liên hệ giữa NCBs từ rừng và các biện pháp đảm bảo an toàn

Các biện pháp đảm bảo an toàn và lợi ích phi các-bon từ rừng thường được gắn liền với nhau trong tiến trình đàm phán liên quan đến biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, hai khái niệm cũng thể hiện tầm nhìn và quy mô về kì vọng đạt được rất khác nhau. Cụ thể hơn, theo Katerere và cộng sự (2015):

- **Các biện pháp bảo đảm an toàn:** được coi là một phương tiện để đảm bảo rằng các chương trình REDD + “không gây hại”.
- **Lợi ích phi các-bon rừng** vượt ra khỏi khái niệm “không gây hại” để “làm nhiều điều tốt hơn”. Việc cung cấp NCBs trong REDD+ thường gặp phải những thách thức như: ai là người xác định NCBs, quan hệ quyền lực, công bằng và mức độ mà NCBs được đưa vào thiết kế và thực hiện các sáng kiến REDD+.

Orang utan
Photo by Aulia Erlangga/CIFOR



4 Phân loại NCBs từ rừng

Có nhiều tranh luận cũng như nhiều giải thích khác nhau về lợi ích phi các-bon từ rừng. Tuy nhiên, theo Hailemariam và cộng sự (2015) và Hvalkof (2013), phần lớn các học giả phân loại các NCB từ rừng theo ba nhóm chính:

- **Lợi ích phi các-bon hữu hình và dễ dàng quy đổi thành tiền được** như lấy củi, cỏ, khai thác gỗ, trái cây, cà phê rừng, thuốc, và tài nguyên nước.
- **Lợi ích phi các-bon vô hình và khó quy đổi thành tiền được** như giá trị nội tại của rừng và các giá trị khác như điều chỉnh vi khí hậu, hấp thụ các-bon và đa dạng sinh học.
- **Lợi ích phi các-bon vượt ra khỏi khuôn khổ các dịch vụ sinh thái và hàng hoá, bao hàm các khía cạnh lớn hơn về kinh tế-xã hội và văn hóa** như tôn trọng quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương, góp phần hướng tới sinh kế bền vững hoặc tăng cường quản trị rừng.

Bảng 1 trình bày một số ví dụ về các loại NCBs đang được đề cập trên thế giới.

Bảng 1. Các loại lợi ích phi các-bon từ rừng

Lợi ích phi các-bon từ rừng	Ví dụ
Môi trường	<ul style="list-style-type: none">• Bảo tồn đa dạng sinh học.• Điều hoà nguồn nước (số lượng và chất lượng).• Chu kỳ tuần hoàn không khí.• Giảm xói mòn.• Tăng sản xuất vật liệu tái tạo.• Thụ phấn.
Xã hội	<ul style="list-style-type: none">• Duy trì sinh kế bền vững.• Dịch vụ văn hóa và các nguồn tri thức truyền thống.• Tăng giá trị xã hội cho rừng. Rừng có giá trị đặc biệt quan trọng đối với người nghèo, do các loại sản phẩm và dịch vụ mà chúng cung cấp cũng như vì rừng thường là sinh sống của cộng đồng khó khăn.• An ninh lương thực và nền kinh tế tự cung tự cấp cấp năng động. Nguồn thực phẩm từ rừng đóng góp đáng kể vào an ninh lương thực và sự đa dạng dinh dưỡng của các cộng đồng sống dựa vào rừng cũng như những người sống xa rừng, và một phần ba dân số toàn cầu dựa vào gỗ làm nguồn năng lượng chính để nấu ăn.• Tạo thu nhập và việc làm. Tỷ trọng thu nhập từ rừng chiếm 28% tổng thu nhập của các hộ gia đình sống tại khu vực trong và cận rừng nhiệt đới, với sự khác biệt quan trọng về giới trong các loại sản phẩm thu được.
Quản trị	<ul style="list-style-type: none">• Tăng cường các quy trình ra quyết định truyền thống (tự quản).• Quản lý và điều hành rừng.• Giám sát đa dạng sinh học và giám sát các khu bảo tồn.• Quyền sử dụng đất và quản lý lãnh thổ.

Nguồn: Duchelle và cộng sự (2018); Hvalkof (2013); Jin v. cộng sự (2017); Katerere v. cộng sự (2015); Sunderland v. cộng sự (2014); Sunderlin v. cộng sự (2008).

REDD+ có thể tạo ra nhiều NCBs tùy thuộc vào bối cảnh quốc gia, loại chương trình REDD+, kiểu rừng, chi phí và người xác định NCBs.

5 Thách thức trong việc công nhận và thực hiện NCBs từ rừng

Việc công nhận và bảo vệ các NCBs đang phải đối mặt với nhiều thách thức trên toàn cầu.

5.1 Định nghĩa và góc nhìn khác nhau về NCBs

Hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về NCBs. Những quan điểm và diễn ngôn khác nhau khi bàn về yếu tố chính của NCBs sẽ gây ra khó khăn cho việc đàm phán trong tương lai và thách thức đối với Quỹ Khí hậu Xanh trong việc giảm thiểu những xung đột này và quyết định loại dự án nào nên được tài trợ. Việc dung hòa các mâu thuẫn về quan điểm sẽ đòi hỏi phải chứng minh rằng NCBs đóng một vai trò không thể thiếu trong việc duy trì giảm phát thải theo thời gian, mở ra các hợp lực thích ứng, tách nạn phá rừng khỏi sinh kế, đồng thời nâng cao đời sống.

5.2 Đo lường, theo dõi và đánh giá NCBs

Trong khi phần lớn cộng đồng quốc tế ghi nhận và tán đồng việc đảm bảo cung cấp NCBs là một ưu tiên cần thiết trong việc giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu, thách thức chủ yếu mà các bên đưa ra là NCBs sẽ được đo lường và giám sát như thế nào, và bằng các chỉ số nào. Bảng 2 trình bày ví dụ về một số NCBs cũng như các chỉ số đo lường có thể theo dõi và giám sát trong quá trình thực hiện chính sách và dự án.

Bảng 2. Các loại lợi ích phi các-bon của rừng và các chỉ số đo lường đề xuất

Lợi ích phi các-bon từ rừng	Chỉ số đo lường
Môi trường	<ul style="list-style-type: none">Thay đổi độ che phủ rừng tự nhiên; thay đổi về sự phong phú và phân bố của các loài động vật hoang dã
Xã hội	<ul style="list-style-type: none">Số lượng doanh nghiệp có tiếp cận với thuê rừng với giấy phép sử dụng rừng được đảm bảoMức độ và chất lượng của sự tham gia của cộng đồng và người dân bản địa (có yếu tố giới) trong việc ra quyết định và giám sátSố người được đào tạo trong quy trình FPICĐánh giá đối nghèo của quốc gia sử dụng các tiêu chí đánh giá do quốc gia tự thiết lậpSố việc làm được tạo ra hoặc được đảm bảoSố người có khả năng dễ bị tổn thương; tỉ lệ suy dinh dưỡng; tỉ lệ mất an ninh lương thực ở mức trung bình hoặc nghiêm trọng
Quản trị	<ul style="list-style-type: none">Tỉ lệ phần trăm người dân bản địa và cộng đồng địa phương hoặc rừng có quyền sử dụng và/hoặc quyền sở hữu rõ ràng được pháp luật công nhậnTỉ lệ dân số rừng có quyền sở hữu hoặc được bảo đảm đối với đất nông nghiệp/rừng, theo giớiNâng cao năng lực, việc làm của người dân/tổ chức của cộng đồng, cách tiếp cận giới (tiếp cận thông tin, tham gia ra quyết định, lợi ích kinh tế), quản trị địa phương (công cụ và cấu trúc địa phương).Diện tích đất được lập bản đồ có sự tham gia của cộng đồng dân cư

Nguồn: Duchelle và cộng sự (2018); Hvalkof (2013); Jin v. cộng sự (2017); Katerere v. cộng sự (2015); Sunderland v. cộng sự (2014); Sunderlin v. cộng sự (2008).

5.3 Thiếu số liệu, phương pháp và cơ chế đo lường và báo cáo NCBs

Để giải quyết việc không coi trọng các NCBs, nhiều học giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu đúng và định lượng các giá trị kinh tế của lợi ích phi các-bon trước khi đưa ra các quyết định chính sách về khí hậu. Ojea và cộng sự (2016) đã xem xét 52 nghiên cứu toàn cầu về định giá rừng đối với các dịch vụ hệ sinh thái và xác định các loại dịch vụ rừng chính thường được đề cập trong phát triển chính sách: chất lượng không khí và điều tiết nước; thức ăn và sợi cây; bảo tồn đa dạng loài hoang dã; và giải trí và du lịch. Các tác giả cũng phát hiện ra rằng các dịch vụ hệ sinh thái cung cấp ước tính kinh tế trung bình là 1541 USD/ha/năm cho chất lượng không khí và điều tiết nước, 1268 USD/ha/năm cho thực phẩm và chất xơ, 1279 USD/ha/năm cho bảo tồn đa dạng loài hoang dã, 218 USD/ha/năm cho giải trí, và 922 USD/ha/năm cho các dịch vụ khác.

Tuy nhiên, dữ liệu và phương pháp để ước tính đầy đủ những lợi ích này còn hạn chế bởi thế giới còn đang thiếu cơ chế đo lường và báo cáo cho NCBs trong các biện pháp bảo đảm an toàn được tài trợ từ các dự án đa phương cũng như theo tiêu chuẩn các-bon tự nguyện (Ojea và cộng sự 2016). Việc xác định phương pháp luận đánh giá các tác động của NCBs đặc biệt trong việc xác định các mức tham chiếu và tính bổ sung cho NCBs gặp rất nhiều khó khăn (Angelsen 2013). Ngoài những khó khăn về phương pháp luận, các ý kiến phê bình cũng cho rằng nỗ lực định lượng hóa và tiền tệ hóa các NCBs trong khuôn khổ dựa chi trả dựa vào kết quả kết quả có thể đem tới rủi ro như tách rời các hàng hóa và dịch vụ ra khỏi hệ sinh thái cần có để sản xuất chúng. Những ý kiến khác cho rằng quá trình thương mại hàng hóa hóa ưu tiên giá trị thị trường hơn là giá trị văn hóa và quyền, đồng thời mở đường cho việc tư nhân hóa tài sản mà trước đó là tài sản công hoặc tài sản cộng đồng sẽ ảnh hưởng đến quyền của các cộng đồng nghèo vốn đã bị thiệt thòi (Gómez-Baggethun và Ruiz-Pérez 2011, Chan và cộng sự 2012). Tuy nhiên, mặc dù giá trị văn hóa của các dịch vụ hệ sinh thái được các bên liên quan trên toàn cầu công nhận là đặc điểm quan trọng của NCBs, vẫn chưa có phương pháp rõ ràng để đưa chúng vào các chính sách và thực tiễn.

Có ít nghiên cứu về các ước tính về đồng lợi ích các-bon trong đánh giá toàn cầu; chỉ với một số ngoại lệ (Kapos và cộng sự 2008). Hơn nữa, thường rất khó để có được dữ liệu sơ cấp rõ ràng về không gian trong việc xác định giá trị rừng và việc phân tích tới nay chỉ được thực hiện trên cơ sở quốc gia. Dữ liệu chính xác hơn về diện tích rừng cụ thể sẽ mang lại lợi ích cho các dịch vụ hệ sinh thái, cùng với việc lập bản đồ các dự án REDD+, có thể tạo ra kết quả chính xác hơn để minh họa sự đánh đổi giữa các dịch vụ hệ sinh thái và sự hấp thụ các-bon ở cấp độ rừng.

5.4 Mối quan hệ phức tạp giữa chi trả các-bon và chi trả NCBs từ rừng

Cho đến nay, hầu hết các quốc gia xem xét và giải thích về NCBs thông qua việc phát triển hệ thống các biện pháp bảo đảm an toàn quốc gia. Tuy nhiên, chưa có bên nào hay quốc gia nào xác định được thể nào là chi trả dựa vào kết quả liên quan đến NCBs. Ngoài ra, nguồn thu từ chi trả cho các-bon không thể đủ để tài trợ cho việc cung cấp và bảo đảm NCBs lâu dài.

5.5 Hạn chế về tài chính

Hầu hết các chính sách và dự án cho đến nay đều tập trung vào giảm thiểu và chi trả các-bon, điều này có nguy cơ dẫn đến các bên sẽ chỉ ưu tiên các khu rừng có trữ lượng các-bon cao mà bỏ qua các khu rừng các-bon thấp trong khi đây lại là có thể là nơi có mức độ đa dạng sinh học cao (Phelps và cộng sự 2010) cũng như việc đánh giá thấp hệ sinh thái phi tiền tệ-dịch vụ (Ojea và cộng sự 2015).

Các quốc gia thường thiếu sự quan tâm và nguồn lực tài chính để biến các cam kết chính trị thành thực tế. Các cam kết của quốc gia về biến đổi khí hậu thường thể hiện sự đồng thuận cao đối với việc đảm bảo và phát triển các lợi ích phi các-bon cùng với giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, vấn đề này nên được thực hiện và xem xét ở cấp quốc gia, thay vì thông qua các thỏa

thuận mới (Hailemariam và cộng sự 2015). Ngoài ra, những cam kết liên quan đến biến đổi khí hậu hiện nay có xu hướng nhấn mạnh vào khía cạnh tài chính và hệ thống giám sát rừng mà ít chú ý đến quản trị rừng và các biện pháp bảo đảm an toàn (Phạm và cộng sự 2018). Hơn nữa, trong khi phần lớn các quốc gia cam kết thực hiện NCBs nhấn mạnh tầm quan trọng của các tổ chức ngoài nhà nước trong việc cung cấp NCBs, có rất ít quốc gia thảo luận về các giải pháp cho các vấn đề thiết yếu liên quan đến NCBs bao gồm thể chế, phân chia quyền lực, bất bình đẳng giới, và sinh kế không bền vững (Huyer 2016, Jernäs và cộng sự 2019).

Jernäs và cộng sự (2019) cũng phát hiện ra rằng trong khi các quốc gia có thu nhập cao chủ yếu thúc đẩy phát triển các-bon thấp trong Cam kết tự nguyện (NDC) của họ, chỉ 25% NDC đã đệ trình của các quốc gia này tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương và yếu tố công bằng. Ngược lại, 75% các nước kém phát triển lại cho rằng hỗ trợ sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ, nhóm dễ bị tổn thương và vấn đề đảm bảo bình đẳng là yếu tố quan trọng giúp các nước này thực hiện việc phát triển và bảo tồn NCBs.

Vietnam-A H'mong farmer returning home
after working on the upland field
Photo by Robert Fox/ICRAF



6 Các giải pháp trong việc lồng ghép và nâng cao NCBs từ rừng vào chính sách và dự án

6.1 Thay đổi cách nhìn về NCBs và kết hợp nhiều NCBs

Các chính sách, sáng kiến và dự án nên khuyến khích việc cung cấp và bảo đảm nhiều NCBs cùng một lúc nhằm tối đa hóa lợi ích rừng từ việc thay đổi sử dụng đất (Bryan 2013). Tuy nhiên, thay đổi đầu tiên cần được thực hiện là thay đổi nhận thức về lợi ích phi các-bon. Martius và cộng sự (2018) khẳng định rằng đảm bảo các lợi ích kinh tế xã hội cho chủ rừng và cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng là cách duy nhất để họ tham gia vào bảo vệ phát triển rừng và bảo vệ đa dạng sinh học. Để khuyến khích các lợi ích phi các-bon, cần có một định nghĩa chuẩn. Mặc dù có sự đồng thuận chung rằng lợi ích phi các-bon gắn liền với sự thành công của REDD+, các Bên và UNFCCC còn phải làm rõ vai trò của lợi ích phi các-bon trong khuôn khổ REDD+ toàn cầu (REDD+ Safeguards Working Group 2015).

Trong những năm gần đây, các câu chuyện và chuẩn mực xã hội mới đề cao vai trò quan trọng các NCBs của rừng đã được phát triển với Liệu pháp Rừng Hàn Quốc, Tắm Rừng Nhật Bản, Các thành phố Rừng Toàn cầu (FAO 2019). Các chuẩn mực mới này đưa ra một quan điểm mới về vai trò của NCBs rừng đối với phúc lợi xã hội và tạo ra dòng tài chính mới cho ngành lâm nghiệp. Năng lượng sinh học tăng cường khuyến khích kinh tế đối với khu vực tư nhân và các nhóm cộng đồng để thực hiện các nỗ lực phục hồi. Năng lượng sinh học từ đất bạc màu thông qua hệ thống nông lâm kết hợp có thể thúc đẩy sản xuất và thu nhập của các trang trại, tăng cường đa dạng sinh học và hỗ trợ các mục tiêu khí hậu và phát triển. Cách tiếp cận 4R (Right species combination - Right landscape - Right business model - people's Rights) là chìa khóa cho sự bền vững năng lượng sinh học: kết hợp đúng loài trong cảnh quan phù hợp (dựa trên lượng mưa, nhiệt độ, thổ nhưỡng, v.v.) với mô hình kinh doanh đúng (doanh nghiệp dựa vào cộng đồng) và tôn trọng quyền của người dân (quyền đất truyền thống, v.v.).

6.2 Mở rộng tiêu chí, hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá

Ở cấp độ toàn cầu, UNFCCC đang nỗ lực giải quyết cách xác định, khuyến khích, giám sát và báo cáo về các NCBs (Nhóm Công tác về các biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ 2015). Cơ quan Phụ trách Tư vấn Khoa học và Kỹ thuật (SBSTA) đã đề xuất xác định một bộ tiêu chí cho những gì có thể được xác định là NCBs ở cấp quốc gia và được quốc tế công nhận. Bộ chỉ số này phải vượt ra ngoài các yêu cầu tối thiểu của các biện pháp bảo vệ Cancun trong việc góp phần tăng cường đa dạng sinh học, công nhận quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương và tăng cường quản trị rừng; tăng tính lâu dài và bền vững của việc giảm phát thải; giải quyết tốt hơn các nguyên nhân dẫn đến phá rừng; hiệp lực với các mục tiêu thích ứng liên quan và thúc đẩy tổng hợp giữa các phương pháp tiếp cận khác nhau. Nâng cao năng lực cho cả các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi chính phủ để giám sát NCBs cũng là điều cần thiết. Chia sẻ thông tin về việc thực hiện chính sách tốt nhất về cách các chủ thể và quốc gia đã thiết kế và giám sát NCBs có thể được thực hiện thông qua nền tảng web REDD+ của UNFCCC, thông qua Đối tác REDD+ và chia sẻ thông tin giữa các nước đang phát triển.

Một phần của việc xác định, khuyến khích, giám sát và báo cáo về NCBs có thể nằm trong hệ thống đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, các NCB nên vượt ra ngoài các yêu cầu về giám sát và báo cáo các biện

pháp bảo vệ (Katerere và cộng sự 2015), bao gồm các chính sách có yếu tố về giới, các quyền, mối quan tâm và nguyện vọng của các cộng đồng phụ thuộc vào rừng (UNDP 2017). Hơn nữa, các chỉ số để đo lường không chỉ nên theo dõi kết quả tại một thời điểm của dự án mà còn cả tác động sau khi kết thúc dự án. Điều này đòi hỏi cả các chỉ số định lượng và định tính và các phương tiện xác minh nhưng phải dựa trên hoàn cảnh của từng quốc gia. Hỗ trợ để có khả năng giám sát và đánh giá tác động nghiêm ngặt tốt hơn sẽ rất hữu ích. Giải quyết vấn đề NCBs cũng đòi hỏi phải nâng cao kiến thức và phương pháp đánh giá giá trị của NCBs, tích hợp NCBs vào hệ thống giám sát rừng quốc gia và hệ thống kế toán quốc gia. Và các NCBs cần được xem xét trong tất cả các giai đoạn và cấp độ thực hiện chính sách, chương trình và dự án.

Vẫn còn tồn đọng những vấn đề phương pháp luận liên quan đến NCBs cần được giải quyết. UNFCCC sẽ cần giải quyết cách xác định, khuyến khích, giám sát và báo cáo về NCBs. Hướng dẫn về các vấn đề phương pháp luận cụ thể đã được thảo luận và phát triển trên một số diễn đàn. UNFCCC, với tư cách là cơ quan cung cấp khuôn khổ tổng thể cho REDD+, cần phát triển các nguyên tắc và hướng dẫn có thể hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức thực hiện đa phương (REDD+ Safeguards Working Group 2015). Khái niệm Giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value) cũng có thể được sử dụng để giúp các nhà hoạch định chính sách xác định, lựa chọn và quản lý các giá trị quan trọng (đa dạng sinh học, giá trị xã hội và dịch vụ hệ sinh thái) trong sản xuất và được sử dụng rộng rãi trong các tiêu chuẩn chứng nhận trồng rừng tự nguyện, nông nghiệp và các-bon (Stewart và cộng sự 2010).

6.3 Mở rộng tiêu chí cho việc “chi trả dựa vào kết quả”

Chỉ khi NCBs được coi là một tiêu chí trong việc thực hiện chi trả thì các bên có liên quan mới thực sự quan tâm và đầu tư vào NCBs. Nhiều học giả cho rằng chi trả dựa trên kết quả (results-based payment) nên được UNFCCC định nghĩa là các khoản thanh toán cho việc giảm phát thải có điều kiện tuân thủ các biện pháp bảo vệ REDD+. Theo định nghĩa này (và như đã nêu trong Thỏa thuận Cancun), chỉ các hoạt động REDD+ nhằm nâng cao lợi ích xã hội và môi trường, khuyến khích bảo tồn rừng tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái của chúng, thúc đẩy cơ chế quản lý rừng hiệu quả, cùng với các biện pháp bảo vệ khác, mới đủ điều kiện để nhận thanh toán. Các tổ chức cần phải chứng minh các hoạt động rõ ràng nhằm đạt được NCBs, được hỗ trợ bởi một lý thuyết minh bạch về sự thay đổi, đánh giá cơ bản cũng như các chỉ số về quy trình và tiến độ thực hiện và đảm bảo NCBs thì mới được nhận chi trả.

6.4 Gắn kết giữa các chính sách và dự án liên quan đến thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu

Giảm thiểu và thích ứng chung cũng cần được thúc đẩy để mang lại lợi ích phi các-bon cao hơn (Elias và cộng sự 2014). Lợi ích giảm thiểu bền vững phụ thuộc rất nhiều vào việc nâng cao quản trị và việc cung cấp NCBs về môi trường và xã hội. Chính bởi thế các nhà tài trợ và chính phủ cần xem xét tới khả năng cung cấp thêm nguồn vốn dành riêng cho việc giải quyết các khoảng trống về năng lực và nguồn lực quan trọng mà vốn được xác định là rào cản đối với việc cung cấp NCBs cùng với thanh toán các-bon dựa trên kết quả.

6.5 Xác định ưu tiên với sự tham gia của các bên có liên quan

Do các điều kiện sinh thái và xã hội đa dạng trên toàn cầu, các quốc gia cần xác định và ưu tiên NCBs theo cách thức có sự tham gia của các bên liên quan và ở các cấp độ khác nhau tùy theo các nhu cầu và điều kiện thiết yếu để thực hiện (UNDP 2017). Việc này sẽ giúp làm rõ các loại lợi ích phi các-bon cần được thúc đẩy, đi kèm với những cơ hội và thách thức trong việc thực hiện chúng. Các quốc gia cần xác định các lĩnh vực hoạt động, lựa chọn địa lý ưu tiên các điểm nóng, nguồn vốn và

phân bổ lợi ích dựa trên quá trình ra quyết định có sự tham gia (Marlay 2014). Các ưu tiên và phân bổ kinh phí trong 3 giai đoạn của REDD+ cũng nên khác nhau. Trong Giai đoạn 1 và 2 (Sẵn sàng và Thực hiện), nguồn vốn công đáng kể nên được đầu tư vào các hoạt động tạo ra NCBs và tạo cơ sở để đạt được NCBs bổ sung trong Giai đoạn 3 (Thanh toán cho Hiệu suất). Nhiều NCBs, chẳng hạn như đảm bảo quyền sở hữu đất hoặc cải thiện tính minh bạch và tính chất tham gia của cơ cấu quản trị rừng, đòi hỏi thời gian và đầu tư đáng kể.

Các quốc gia và dự án có thể khuyến khích NCBs thông qua các yêu cầu nghiêm ngặt hơn đối với những người đề xuất để chứng minh hiệu suất các-bon và phi các-bon trong các dự án của mình, đồng thời tạo điều kiện hợp tác với các nhà nghiên cứu độc lập hoặc làm cầu nối REDD+ với các sáng kiến khác như tăng trưởng xanh để củng cố đồng lợi ích và hợp lý hóa quy trình báo cáo (Simonet và cộng sự 2018). Các quốc gia cũng nên thiết lập các chỉ số thích hợp để giám sát các lợi ích phi các-bon đó và liên kết REDD+ với một bối cảnh rộng lớn hơn, tương tự như Hệ thống Kế toán Môi trường có một hệ thống đo lường sự đóng góp của những lợi ích phi các-bon đối với nền kinh tế quốc gia (Bann 1998; Lang và cộng sự 2003). Và một phương pháp khác là trực tiếp trả tiền để đạt được các mục tiêu phi các-bon, như trong thị trường các-bon tự nguyện. Ngoài ra, các quốc gia và dự án cần đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người bản địa và cộng đồng địa phương sống phụ thuộc vào rừng với sự hỗ trợ cần thiết cho việc xây dựng năng lực trong toàn bộ các quyết định và hành động REDD+, cũng như liên quan đến việc khuyến khích NCBs.

Việc tôn trọng và thúc đẩy các quyền về đất đai và tài nguyên của cộng đồng địa phương và người dân bản địa rất quan trọng để mở ra sự hiệp đồng giữa các mục tiêu chính sách xã hội và môi trường (Duchelle và cộng sự 2014), thông qua việc nâng cao vị thế đàm phán của các bên địa phương đối với các tác nhân bên ngoài (Cronkleton và cộng sự 2017). Trong một số trường hợp nhất định, bảo đảm quyền sở hữu cũng có thể khuyến khích đầu tư dài hạn vào quản lý và sử dụng đất bền vững (Robinson và cộng sự 2018). Ngoài ra, các điều khoản cụ thể để thu hút sự đồng ý và tham gia của phụ nữ và các nhóm yếu thế là rất quan trọng.

6.6 Mở rộng đầu tư, nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí giao dịch và chi phí thực hiện

Việc giảm phát thải gắn liền với các lợi ích phi các-bon sẽ cạnh tranh hơn trên thị trường các-bon và thu hút tài trợ đa phương hoặc song phương (e.g. Quỹ đối tác Carbon trong Lâm nghiệp - CCPF). Ví dụ, các khoản bù đắp theo cả Tiêu chuẩn Vàng (The Gold Standard) và Cơ chế Phát triển Sạch (Clean Development Mechanism) được bán với giá trung bình là 13 đô la và các khoản bù đắp theo cả Tiêu chuẩn kiểm chứng các-bon (Verified Carbon Standards-VCS) và Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng Sinh học (CCB) được bán với giá trung bình là 7 đô la/tCO₂e vào năm 2012 (Hamrick và Gallant 2017). Năm 2012, khối lượng bù đắp được ký kết từ các dự án REDD+ đang hoặc mong muốn được chứng nhận cho cả Tiêu chuẩn VCS và CCB đã tăng hơn gấp đôi (Peters-Stanley và Yin 2013; Marlay 2014). Các hoạt động REDD+ thúc đẩy NCBs ngoài các biện pháp bảo vệ có thể tiếp cận các nguồn tài trợ hoặc đạt được các chứng nhận ngoài những nguồn sẵn có thông qua cơ chế REDD+. Chúng có thể bao gồm các khoản trợ cấp của quỹ hoặc các khoản thanh toán dựa trên hiệu suất thực thi phân phối các lợi ích trong REDD+, cũng như các khoản phí bảo hiểm dưới dạng một gói dịch vụ (đồng lợi ích) mà có thể được cung cấp thông qua thanh toán cho các dịch vụ hệ sinh thái (PES) (Phelps và cộng sự 2010).

Do hạn chế về kinh phí và nguồn lực, các quốc gia cần ưu tiên các rủi ro cho REDD+ và các NCBs được ưu tiên ở cấp quốc gia, tùy theo mục tiêu và bối cảnh của mỗi quốc gia (Marlay 2014). Để giảm gánh nặng báo cáo vốn đã quá nặng nề cho các chính phủ và cơ quan thống kê quốc gia, các mục tiêu theo định hướng tiến độ cho NCBs - nếu có thể - phải phù hợp với các chương trình nghị sự quốc tế, bao gồm Mục tiêu phát triển bền vững SDGs, các mục tiêu đa dạng sinh học Aichi cũng như các chính sách bảo vệ hiện có khác nhau và tiêu chuẩn hiệu suất, bao gồm Quỹ đối tác Carbon

trong Lâm nghiệp (FCPF), Tiêu chuẩn kiểm chứng các-bon (VCS), và Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng Sinh học (CCBA).

Các chương trình, chính sách và dự án liên quan đến bảo vệ phát triển rừng ví dụ như REDD+ được thực hiện ở các quốc gia với sự ủng hộ và quy mô khác nhau nhưng thường mang lại lợi ích thấp về mặt kinh tế đối với người dân sống phụ thuộc vào rừng (Sarmiento Barletti và Larson 2017). Ngoài ra, chi phí cơ hội để thực hiện REDD+ có xu hướng thấp nhất ở những nơi người dân nghèo nhất (Ickowitz và cộng sự 2017). Đồng thời, rừng tiếp tục chịu sức ép từ những áp lực kinh tế cũng như từ các nông hộ nhỏ đang tìm cách cải thiện sinh kế. Mặc dù chi trả cho các-bon có thể là một cách khuyến khích việc sử dụng đất bền vững hơn trong ngắn hạn, chúng sẽ khó có thể vượt quá chi phí cơ hội ngày càng tăng theo thời gian. Thông qua việc tăng cường các quyền về tài nguyên của người dân bản địa và cộng đồng địa phương, hỗ trợ các lựa chọn sinh kế bền vững, và tăng cường quản trị rừng, NCBs có thể giúp tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững, đầy đủ và công bằng, đảm bảo các lợi ích giảm thiểu được bền vững theo thời gian và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Các quốc gia có thể phát triển các khuôn khổ chính sách và cơ chế khuyến khích để thúc đẩy thay đổi sử dụng đất bền vững nhằm giảm phát thải, lợi ích từ việc thích ứng và NCBs, và phân bổ nguồn vốn công bền vững để đo lường các NCBs này. Các tiêu chí được nhà nước sử dụng để phân bổ ngân sách công cho đến nay chỉ dựa trên các chỉ số môi trường mà không dựa trên NCBs, và điều này cũng có thể cần được chính phủ cải thiện. Hiện tại, các các bộ có chuyên môn, cơ sở dữ liệu về phi các-bon vẫn chưa tham gia REDD+. Sự tham gia của các đơn vị này có thể giúp giảm chi phí giám sát các NCBs trong REDD+.

Ngoài việc đảm bảo sự công bằng trong việc tham gia và chia sẻ lợi ích ở cấp độ dự án, tài chính khí hậu phải hướng tới việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi có yếu tố giới, thông qua hỗ trợ và ủng hộ các phong trào và quy trình hiện có, cũng như cung cấp các động lực tài chính để thách thức các rào cản hệ thống như các luật lệ đang mang tính chất phân biệt đối xử.

6.7 Cách tiếp cận theo vùng và tiếp cận cảnh quan

Để kết hợp và hài hòa giữa mục tiêu các-bon và phi các-bon, cần tiếp cận chính sách và dự án theo cách tiếp cận vùng và cảnh quan. Nhiều bằng chứng tại các Bang của Brazil cho thấy khi kết hợp theo cách tiếp cận cảnh quan và theo quy mô vùng, các dự án và chính sách có khả năng thúc đẩy các giải pháp toàn diện, lâu dài giải quyết được cả nguyên nhân dẫn đến phá rừng nhiệt đới, đồng thời nâng cao sinh kế nông thôn và an ninh lương thực và tăng GDP của họ (Stickler và cộng sự 2018). Cách tiếp cận theo vùng và cảnh quan cũng giúp chính quyền và các bên xây dựng dự án có điều kiện tiếp cận với nguồn tài trợ và hỗ trợ tài chính từ khối tư nhân hoặc các hoặc các chương trình chứng nhận (WWF 2016).

6.8 Lồng ghép NCBs vào các chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu

Lồng ghép NCBs vào REDD+ nên được xem là một trong những ưu tiên và quan tâm hàng đầu trong ngành lâm nghiệp. Việc lồng ghép NCBs sẽ tăng cường sự tham gia của người dân bản địa và các cộng đồng địa phương sống phụ thuộc vào rừng trong các quy trình REDD+ (Parker và cộng sự 2013; Katerere và cộng sự 2015). Katerere và cộng sự (2015) cho biết do thiết kế và thực hiện REDD+ thường liên quan đến nhiều bên trung gian nên vấn đề chia sẻ lợi ích thường rất phức tạp. Các thể chế yếu kém có thể làm suy yếu việc phân phối lợi ích một cách công bằng. Việc tích hợp các NCBs vào REDD+ có thể theo nhiều con đường khác nhau, bao gồm liên kết các NCBs với các chi trả các-bon, tạo ra một dòng thanh toán riêng cho NCBs, hoặc tăng cường và tiêu chuẩn hóa các biện pháp bảo đảm an toàn (xem NCBs trở thành điều kiện thiết yếu để chi trả) (Parker và cộng sự. 2013).

7 Kết luận

Báo cáo này cho thấy lợi ích phi các-bon đang là mối quan tâm và sự kì vọng của nhiều quốc gia trong việc kết hợp giữa giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo sinh kế và các giá trị văn hóa-xã hội bền vững của nhân loại. Việc vận hành và lồng ghép lợi ích phi các-bon vào các chính sách lâm nghiệp và biến đổi khí hậu hiện có sẽ giúp các quốc gia không chỉ tập trung vào nâng cao giá trị dịch vụ các-bon của rừng mà còn đảm bảo đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường rừng quan trọng khác như điều hòa không khí, nguồn nước, thụ phấn, dịch vụ văn hóa, được quan tâm đúng mức. Việc có một định nghĩa chung về lợi ích phi các-bon, xây dựng một hệ thống giám sát và đánh giá và coi đó là một điều kiện cần có để nhận được chi trả dựa vào kết quả, xác định ưu tiên trong việc đánh giá lợi ích phi các-bon, thu hút tài chính và các hỗ trợ từ các chương trình khác như đảm bảo quyền sử dụng đất, áp dụng phương pháp tiếp cận cảnh quan và vùng. Điều này sẽ giúp các quốc gia, trong đó có Việt Nam, hiện thực hóa kì vọng về lợi ích phi các-bon trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

8 Tài liệu tham khảo

- Angelsen A. 2013. *REDD+ as performance-based aid: General lessons and bilateral agreements of Norway*. WIDER Working Paper, No. 2013/135. Helsinki: The United Nations University World Institute for Development Economics Research (UNU-WIDER)
- Bann C. 1998. *Economic valuation of tropical forest land use options: a manual for researchers*. EEPSEA special paper/IDRC. Regional Office for Southeast and East Asia, Economy and Environment Program for Southeast Asia. http://eepseapartners.org/pdfs/pdf3/1997_Bann_Tropical%20Forest.pdf
- Bryan BA. 2013. Incentives, land use, and ecosystem Non-Carbon Benefits: Synthesizing complex linkages. *Elsevier* (2013):124-134.
- Chan KM, Satterfield T and Goldstein J. 2012. Rethinking ecosystem services to better address and navigate cultural values. *Ecological economics* 74:8-18.
- Cronkleton P, Artati Y, Baral H, Paudyal K, Banjane MR, Liu JL, Tu TY, Putzel L, Birhane E, Kassa H. 2017. How do property rights reforms provide incentives for forest landscape restoration? Comparing evidence from Nepal, China and Ethiopia. *International Forestry Review* 19(4):8-23.
- Djoudi H, Locatelli B, Vaast C, Asher K, Brockhaus M, and Sijapati Basnett B. 2016. Beyond dichotomies: Gender and intersecting inequalities in climate change studies. *Ambio* 45(3):248-262.
- Duchelle AE, Cromberg M, Gebara MF, Guerra R, Melo T, Larson A, Cronkleton P, Börner J, Sills E, Wunder S, và cộng sự. 2014. Linking Forest Tenure Reform, Environmental Compliance, and Incentives: Lessons from REDD+ Initiatives in the Brazilian Amazon. *World Development* 55:53-67.
- Duchelle AE, de Sassi C, Sills EO, and Wunder S. 2018. People and communities: Well-being impacts of REDD+ on the ground. In Angelsen A, ed. *Transforming REDD+: Lessons and New Directions*. Bogor: Center for International Forestry Research (CIFOR).
- Elias P, Leonard S, Cando L, Fedele G, Gaveau DLA, Locatelli B, Martius C, Murdiyarso D, Sunderlin WD, Verchot LV. 2014. *Synergies across a REDD+ landscape: Non-carbon benefits, joint mitigation and adaptation, and an analysis of submissions to the SBSTA*. CIFOR Infobrief No. 71. Bogor, Indonesia: Center for International Forestry Research (CIFOR).
- [FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2019. *Forest Futures-Sustainable pathways for forests, landscapes and people in the Asia-Pacific region*. Asia-Pacific Forest Sector Outlook Study III. Bangkok: FAO.
- Gómez-Baggethun E and Ruiz-Pérez M. 2011. Economic valuation and the commodification of ecosystem services. *Progress in Physical Geography* 35(5):613-628.
- Groom B and Palmer C. 2012. REDD+ and rural livelihoods. *Biological Conservation* 154:42-52.
- Hailemariam SN, Soromessa T, and Teketay D. 2015. Non-carbon benefits for effective implementation of REDD+: The case of Bale Mountains Eco-Region, Southeastern Ethiopia. *African Journal of Environmental Science and Technology* 9(10):747-764.
- Hamrick K, and Melissa G. 2017. *Unlocking Potential: State of the Voluntary Carbon Markets, Ecosystem Marketplace*. Forest Trends' Ecosystem Marketplace. https://www.forest-trends.org/wp-content/uploads/2017/07/doc_5591.pdf
- Huang Y, Chen Y, Castro-Izaguirre N, Baruffol M, Brezzi M, Lang A, Li Y, Härdtle W, von Oheimb G, Yang X, và cộng sự. 2018. Impacts of species richness on productivity in a large-scale subtropical forest experiment. *Science* 362(6410):80-83.
- Huyer S. 2016. Closing the Gender Gap in Agriculture. *Gender, Technology and Development* 20(2):105-116. <https://journals.sagepub.com/doi/pdf/10.1177/0971852416643872>.
- Hvalkof S. 2013. *Imperatives for REDD+ Sustainability: Non-Carbon Benefits, Local and Indigenous peoples*. Copenhagen: International Work Group for Indigenous Affairs (IWGIA). https://www.iwgia.org/images/publications/0639_REED_Final_solved_eb.pdf

- Ickowitz A, Sills E, and de Sassi C. 2017. Estimating smallholder opportunity costs of REDD+: A pantropical analysis from households to carbon and back. *World development* 95:15-26.
- Jernnäs M, and Linnér BO. 2019. A discursive cartography of nationally determined contributions to the Paris climate agreement. *Global environmental change* 55:73-83.
- Jin SL, Schure J, Ingram V, and Byoung II. 2017. *Sustainable Woodfuel for Food Security. A Smart Choice: Green, Renewable and Affordable*. Rome: Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO). <http://www.fao.org/3/a-i7917e.pdf>
- Kapos V, Ravilious C, Campbell A, Dickson B, Gibbs HK, Hansen MC, and Trumper KC. 2008. *Carbon and biodiversity demonstration atlas*. UNEP-WCMC. http://www.unep.org/pdf/carbon_biodiversity.pdf
- Katerere Y, Fobissie K, and Annies A. 2015. Non-carbon benefits of REDD+: The case for supporting non-carbon benefits in Africa. *Climate and Development Knowledge Network and Economic Commission for Africa African Climate Policy Centre*. https://www.unclearn.org/sites/default/files/inventory/non-carbon_benefits_of_redd_en.pdf
- Lang GM, Hassan R, Hamilton K. 2003. *Environmental Accounting in Action: Case Studies from Southern Africa*. Chltenham: Edward Elgar Publishing Limited.
- Leisher C, Temsah G, Booker F, Day M, Samberg L, Prosnitz D, Agarwal B, Matthews E, Roe D, Russell D and Sunderland T. 2016. Does the gender composition of forest and fishery management groups affect resource governance and conservation outcomes? A systematic map. *Environmental Evidence* 5(1):6.
- Marlay S. 2014. *Clarifying the Role of Non-Carbon Benefits in REDD+*. Conservation International, Environmental Defense Fund, National Wildlife Federation, Rainforest Alliance, The Nature Conservancy, and Union of Concerned Scientists, 23 February 2014.
- Martius C, Angelsen A, Larson AM, Pham TT, Sonwa DJ, and Belcher B. 2018. Pathway to impact: Is REDD+ a viable theory of change? In Angelsen A, ed. *Transforming REDD+: Lessons and New Directions*. Bogor: Center for International Forestry Research (CIFOR).
- Ojea E, Loureiro ML, Alló M, and Barrio M. 2016. Ecosystem services and REDD: Estimating the benefits of non-carbon services in worldwide forests. *World Development* 78:246-261.
- Parker C, Cranford M, Roe S and Manandhar U. 2013. *REDD+ prospects in LDCs*. LDCs Paper Series. https://climatefocus.com/sites/default/files/updated-redd-ldc-paper_final.pdf
- Peters-Stanley M, and Yin D. 2013. *Maneuvering the mosaic: state of the voluntary carbon markets 2013*. Forest Trends' Ecosystem Marketplace & Bloomberg New Energy Finance. <https://www.forest-trends.org/wp-content/uploads/imported/sovcm-full-report-aug-13-version-pdf.pdf>
- Pham TT, Bui TMN, Pham HL, and Nguyen VD. 2018. *The potential of REDD+ to finance forestry sector in Vietnam*. CIFOR Infobrief no.226. Bogor: Center for International Forestry Research (CIFOR).
- Phelps J, Webb EL and Agrawal A. 2010. Does REDD+ threaten to recentralize forest governance. *Science* 328(5976):312-313.
- REDD+ Safeguards Working Group. (2015). Accra Caucus, members of the Indigenous Peoples' Caucus. 2014. *Submission by the REDD+ Safeguards Working Group, the Accra Caucus and Members of the Indigenous Peoples' Caucus on the Methodological Issues Related to Non-carbon Benefits Resulting from the Implementation of REDD+ Activities*. UNFCCC. <https://unfccc.int/resource/docs/2014/smsn/ngo/409.pdf>
- Robinson BE, Masuda YJ, Kelly A, Holland MB, Bedford C, Childress M, Fletschner D, Game ET, Ginsburg C, Hilhorst T, và cộng sự. 2018. Incorporating land tenure security into conservation. *Conservation Letters* 11(2):e12383.
- Sarmiento Barletti JP and Larson AM. 2017. *Rights abuse allegations in the context of REDD+ readiness and implementation: A preliminary review and proposal for moving forward*. CIFOR Infobrief no. 190. Bogor: Center for International Forestry Research (CIFOR).
- Sijapati Basnett, B., Elias, M., Ihalainen, M., & Paez Valencia, A. M. (2017). *Gender matters in Forest Landscape Restoration: A framework for design and evaluation*. Bogor: Center for International Forestry Research (CIFOR). http://www.cifor.org/publications/pdf_files/brief/6685-brief.pdf
- Simonet G, Duchelle A, Bos AB, Julie S, Wunder S, and Resosudarmo IAP. 2018. *Forests and carbon: The impacts of local REDD+ initiatives*. In Angelsen A, ed. *Transforming REDD+: Lessons and New Directions*. Bogor: Center for International Forestry Research (CIFOR).

- Stewart C, Lindhe A, and Cura A. 2010. *REDD+ co-benefits and the High Conservation Value (HCV) concept*. Proforest. <https://www.proforest.net/en/files/full-report.pdf/view>
- Stickler C, Duchelle AE, Ardila JP, Nepstad D, David O, Chan C, Rojas JG, Vargas R, Bezzera T, Pritchard L, và cộng sự. 2018. *The State of Jurisdictional Sustainability*. California, USA; Bogor, Indonesia; Boulder, Colorado: Earth Innovation Institute (EII), Center for International Forestry Research (CIFOR) and Governors, Climate and Forests Task Force (GCF),
- Sunderland T, Achdiawan R, Angelsen A, Babigumira R, Ickowitz A, Paumgarten F, Reyes-García V, and Shively G. 2014. Challenging perceptions about men, women, and forest product use: a global comparative study. *World Development* 64: S56-S66.
- Sunderlin W, Dewi S, Puntodewo A, Müller D, Angelsen A, and Epprecht M. 2008. Why forests are important for global poverty alleviation: a spatial explanation. *Ecology and society* 13(2).
- [UNDP] United Nations Development Program. 2017. Gender and Climate Change Training Module 6: Gender and REDD+. Issue Brief. UNDP. https://www.undp.org/content/dam/undp/library/gender/Gender%20and%20Environment/Training%20Modules/Gender_Climate_Change_Training%20Module%206%20REDD+.pdf
- [WWF] World Wildlife Fund. 2016. Jurisdictional approaches to zero deforestation commodities. Discussion paper. Washington, DC: World Wildlife Fund (WWF). https://d2ouvy59p0dg6k.cloudfront.net/downloads/wwf_jurisdictional_approaches_to_zdcs_nov_2016.pdf
- Yitebitu M, Eshetu Z, Sisay N. 2010. Ethiopian Forest Resources: Current Status and Future Management Options in view of Access to Carbon Finance. Addis Ababa: UNDP.

DOI: 10.17528/cifor/007742

Các báo cáo chuyên đề của CIFOR bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cận được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.

Lợi ích phi các-bon nhận được nhiều sự quan tâm trên diễn đàn biến đổi khí hậu toàn cầu khi nhiều quốc gia, học giả nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ cho rằng đây là điều kiện quan trọng cho phát triển bền vững, giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu một cách hiệu quả. Bên cạnh nhiều tán đồng về vai trò của lợi ích phi các-bon, việc thực hiện và nâng cao lợi ích này còn gặp nhiều khó khăn do chưa có định nghĩa chuẩn, nguồn tài chính hỗ trợ còn hạn hẹp và chưa rõ ràng, và phương pháp đánh giá và đo lường còn nhiều hạn chế. Trong khi các thảo luận liên quan đến lợi ích phi các-bon đang được mở rộng trên thế giới, khái niệm này dường như còn rất mới tại Việt Nam và ít được thảo luận chuyên sâu. Báo cáo này cung cấp những thông tin cơ bản về lợi ích phi các-bon, bao gồm định nghĩa, phân loại, và các thách thức mà thế giới đang trải qua để vận hành NCBs, cũng như những giải pháp đề xuất trong tương lai. Báo cáo dựa trên việc rà soát các tài liệu thứ cấp liên quan đến chủ đề này trong và ngoài nước. Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam hiện đang xây dựng các chính sách lâm nghiệp mới trong giai đoạn 2021-2030, chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ cung cấp thông tin đầu vào hữu ích cho quá trình xây dựng chính sách này.



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA) là chương trình phát triển nghiên cứu lớn nhất thế giới nhằm nâng cao vai trò của rừng, cây gỗ và nông lâm kết hợp với mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo lương thực để ứng phó với biến đổi khí hậu. CIFOR chủ trì các nghiên cứu FTA trong mối quan hệ đối tác chiến lược với Bioversity International, CATIE, CIRAD, INBAR, ICRAF và TBI.

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Quỹ đối tác CGIAR: cigar.org/funders/

cifor.org | forestsnews.cifor.org



Norad



Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

CIFOR thúc đẩy sự phồn vinh của nhân loại, cải thiện bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu sáng tạo, nâng cao năng lực của các bên đối tác, tích cực tham gia đối thoại với các bên liên quan để hỗ trợ định hình chính sách và thực tiễn tác động tới rừng và con người. CIFOR là tổ chức nghiên cứu thuộc liên minh CGIAR và chủ trì các chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA). Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia và các văn phòng của CIFOR có mặt tại Nairobi, Kenya; Yaounde, Cameroon; Lima, Peru và Bonn, Germany.

